

Bình Dương, ngày 4 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA
Năm báo cáo: 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thép Pomina
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700321364 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2008, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 8 năm 2010.
- Vốn điều lệ: 1.874.499.510.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.874.499.510.000 VND.
- Mã cổ phiếu : POM

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập vào ngày 17/08/1999 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng, Công ty TNHH Thép Pomina không ngừng nỗ lực củng cố và phát triển để trở thành một công ty sản xuất cung ứng thép xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, hướng đến việc hoàn thiện dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh nhằm thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng. Tiền thân của Công ty TNHH Thép Pomina là Nhà máy Thép Pomina 1 do Công ty TNHH Thép Việt sáng lập và đầu tư xây dựng.

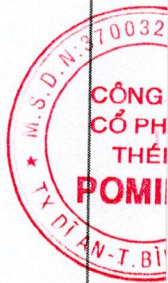
Nhà máy Thép Pomina 1

Nhà máy Thép Pomina 1 với công suất 300.000 tấn/năm và đưa vào sản xuất đầu năm 2002. Tổng số vốn đầu tư: 525 tỷ đồng. Máy móc thiết bị được sản xuất bởi Công ty VAI-Pomini (Ý). Nhà máy có khả năng sản xuất tất cả các chủng loại thép xây dựng theo các tiêu chuẩn của Nhật Bản, Mỹ, EU, Nga, ...

Xây dựng dàn cán Thép 2 trực thuộc Nhà máy Pomina 1

Nhà máy thép 2 tiếp tục được bắt đầu xây dựng vào năm 2003 và bắt đầu đi vào sản xuất vào năm 2005, với công suất 300.000 tấn/năm, nâng tổng công suất lên 600.000 tấn/năm, với tổng vốn đầu tư 2 dàn cán là 68 triệu USD (tương đương 1.100 tỷ đồng). Nhà máy được cung cấp bởi Công ty SIMAC (Ý), và có thể sản xuất tất cả các tiêu chuẩn và chủng loại thép xây dựng từ D14 trở lên, ngoài ra, dàn cán thép 2 còn sản xuất thép hình các loại như U, I, V, H.

Công ty Cổ phần Thép Pomina



Đến ngày 17/07/2008, công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thép Pomina với số vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Thép Pomina tăng vốn điều lệ lên 820 tỷ đồng vào tháng 7/2009 bằng việc phát hành riêng lẻ.

Tháng 7/2009 Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức thành lập Nhà máy luyện phôi thép, trên khu đất 46 hecta, tại KCN Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu, tổng vốn đầu tư 1.379 tỷ đồng, (trong đó vốn chủ sở hữu 495 tỷ - vốn vay 884 tỷ đồng), với công suất của dự án là: luyện 1 triệu tấn phôi và cán 0,5 triệu tấn thép xây dựng. Dự án đã đi vào sản xuất vào cuối năm 2010.

Ngày 31/08/2009, Công ty Cổ phần Thép Pomina đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc đăng ký trở thành Công ty đại chúng.

Trong tháng 12/2009, được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Thép Pomina phát hành riêng lẻ cho (1) các cổ đông Công ty Cổ phần Thép Việt nhằm sở hữu 99.5% Thép Việt với quy mô 0,5 triệu tấn phôi luyện và 0,5 triệu tấn thép cán; và (2) các nhà đầu tư tổ chức; nâng vốn điều lệ lên 1.630 tỷ đồng.

Ngày 07/4/2010, Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức niêm yết trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM với mã cổ phiếu là POM.

Tháng 8 năm 2010, Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina được thành lập với số vốn điều lệ của công ty là 100 tỷ VND, trong đó, Công ty Thép Pomina góp 50 tỷ VND tương đương 50% vốn điều lệ, Công ty mẹ Thép Việt góp 50 tỷ VND tương đương 50% vốn điều lệ. Văn phòng của ông ty liên doanh được đặt tại 289 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 11-2014, Hội Đồng Quản Trị đã quyết định thoát vốn 100% trong công ty liên doanh này.

Đầu năm 2011, Pomina đã khởi công xây dựng nhà máy luyện phôi thép (Pomina 3) công suất 1 triệu tấn năm tại KCN Phú Mỹ và đã đưa vào sản xuất chính thức Quý 4 năm 2012. Tính đến thời điểm 2013 tổng công suất của Pomina là:

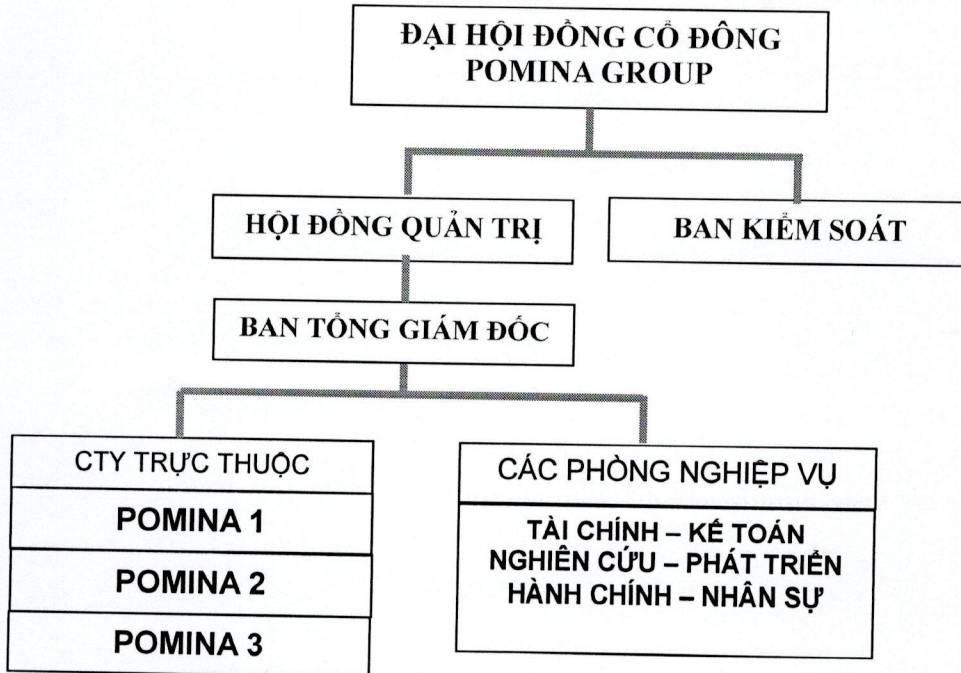
- Công suất luyện phôi thép: 1,5 triệu tấn
- Công suất cán thép xây dựng: 1,1 triệu tấn

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất sắt, thép, gang;
 - Tái chế phế liệu kim loại : hoạt động tại chi nhánh (nhà máy luyện phôi thép), không hoạt động tại trụ sở chính;
 - Kinh doanh các sản phẩm từ thép.
- Địa bàn kinh doanh: Phạm vi cả nước, nhưng chủ yếu là các tỉnh phía Nam và xuất khẩu sang Campuchia.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ POMINA GROUP



Công ty con, công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết
Chi nhánh POMINA 1	Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất: cán thép	Trực thuộc	100%
Chi nhánh POMINA 3	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Sản xuất: luyện và cán thép	Trực thuộc	100%
Công ty con POMINA 2	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Sản xuất: luyện và cán thép Khai thác, kinh doanh cảng biển, đầu tư khai thác các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật.	800 Tỷ	99.5%

5. Định hướng phát triển năm 2017:

- ❖ Khai thác hết công suất hiện có 1 triệu tấn SXD
- ❖ Đầu tư 3 dự án với tổng số vốn đầu tư là 255 triệu USD - gồm:
 - a) Dự án Tôn 600 ngàn mt năm từ nay đến năm 2020, trong đó giai đoạn 1 là 200 ngàn mt đưa vào hoạt động cuối năm 2018 (Tổng vốn đầu tư 125 triệu USD, trong đó giai đoạn 1 là 50 triệu USD)
 - b) Dự án lò cao 580 m3 (Tổng vốn đầu tư 80 triệu USD)
 - c) Dự án cán 500 ngàn tấn năm (Tổng vốn đầu tư 50 triệu USD)

6. Các rủi ro:

- a. Thị trường tăng trưởng mạnh nhưng bên cạnh đó cũng có sự tham gia của một số nhà máy mới
- b. Rủi ro về tỷ giá hối đoái và lãi suất vay dài hạn còn cao

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016**

- Tiêu thụ thép cả nước có xu hướng tăng mạnh trở lại, tiêu thụ thép của POM năm 2016 tăng 107,77 % so với năm 2015 (chiếm 14% % thị phần trong cả nước). Xuất khẩu của POM trong năm 2016 tiếp tục tăng mạnh 104,00% so với năm 2015.
- Tổng nợ bình quân 4.562 tỷ - Chi phí tài chính giảm 50% so với năm 2015 – từ 432 tỷ giảm chỉ còn 216 tỷ.

Từ nguyên nhân trên đưa đến lợi nhuận đạt 301,6 tỷ hoàn thành vượt kế hoạch đề ra là 250 tỷ, chấm dứt lỗ lũy kế 3 năm qua là 212 tỷ.

	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	10,000	9,296	93.00%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	250	301,6	120.40%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	2.5%	3.20%	128.00%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	10.5%	11.30%	107.60%
Cổ tức		0	

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Họ & Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Đỗ Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc	5.115.384cp # 2,73%
Nguyễn Nhật Trường	Kế toán trưởng	0

- Những thay đổi trong ban điều hành: không có.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.295 người.
- Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Trong năm 2016 không có đầu tư thêm vào các công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

	2016	2015	2016 / 2015
Tổng giá trị tài sản	7.049.965.969.765	7.123.333.135.050	0,99
Doanh thu thuần	9.296.925.643.428	9.807.578.644.917	0,95
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	320.555.848.875	39.360.906.347	8,14
Lợi nhuận khác	(10.554.872.356)	(10.364.964.971)	1,02
Lợi nhuận trước thuế	310.000.976.519	28.995.941.376	10,69
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	301.093.672.940	27.487.497.246	10,95

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	2014	2015	2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0.99	1.01	1.09
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0.44	0.49	0.69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74.75	66.69	62.07
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	296.68	200.23	163.63
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3.3	3.6	5.74
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1.15	1.38	1.32
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0.26	0.28	3.24
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0.30	0.39	4.28
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp bình quân	%	-1.52	1.48	16.09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-1.22	1.17	11.28
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0.10	0.40	3.45

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành:
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:

187,449,951 cổ phần phổ thông
49,194,939cp

321
CÔNG TY
PHÂN
HÀNH
CÔNG
TY
POMINA
STEEL
MILL
NH D

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 138,255,012cp
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

b) Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 28-3-2017, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

2017	1. Cổ đông VN			2. Cổ đông nước ngoài			TỔNG CỘNG		
	SỐ CD	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CD	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CD	SỐ CP	TỶ LỆ
A. Cổ đông pháp nhân	35	121,142,956	64.63%	9	347,423	0.19%	44	121,490,379	64.81%
B. Cổ đông cá nhân	745	54,135,399	28.88%	27	11,824,173	6.31%	772	65,959,572	35.19%
Tổng cộng	780	175,278,355	93,51%	36	12,171,596	6.49%	816	187,449,951	100%

Phân loại khác:

	SỐ CD	SỐ CP	TỶ LỆ	GHI CHÚ
Cổ đông sáng lập	1	116,743,868	62,28%	Công ty TNHH TM và SX Thép Việt
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	
Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu trên 5%)	1	116,743,868	62,28%	Công ty TNHH TM và SX Thép Việt
CỔ PHIẾU QUỸ		1,132,790	0.60%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm: không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 1,132,790 cp
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có.

e) Các chứng khoán khác: không có.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

A. Thuận lợi năm 2016:

- a) Năm 2016 tiêu thụ thép cả nước tăng mạnh trở lại
- b) Nợ dài hạn đã giảm từ 566 tỷ xuống còn 314 tỷ.
- c) Thương hiệu mạnh và là sản phẩm được ưu tiên lựa chọn của các công trình trọng điểm

B. Khó khăn năm 2016:

- a) Nhu cầu về thép có cải thiện mạnh nhưng vẫn mất cân đối.

2. Tình hình tài chính

a- Tình hình tài sản

- Tình hình biến động tài sản:

Nội dung	Tăng	Giảm	Nguyên giá TSCĐ
Tại thời điểm 31/12/15			4.952.904.973.988
o Mua tài sản trong năm	11.889.726.563		
o Xây dựng hoàn thành	0		
o Thanh lý tài sản		306.303.304	
Tại thời điểm 31/12/16			4.964.488.397.247

b- Tình hình công nợ:

• **Tình hình nợ phải thu:**

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ % (tăng/giảm)	Quá hạn
Phải thu khách hàng	1.874.119.808.322	2.319.915.695.429	19.22	0
Các khoản phải thu khác	25.444.826.044	47.607.343.198	46.55	0

• **Tình hình nợ phải trả**

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ % (tăng/giảm)
1.Nợ ngắn hạn	4.184.301.817.074	4.061.173.119.283	-3.03
Trong đó: - Vay ngắn hạn	3.805.592.102.980	3.579.099.110.318	-6.33
- Phải trả người bán	230.679.996.608	319.789.572.340	27.86
- Chi phí phải trả	94.846.697.614	95.280.999.394	0.45
2.Nợ dài hạn	566.399.120.496	314.555.764.960	-80.06
Trong đó: Vay dài hạn	566.399.120.496	314.555.764.960	-80.06

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ % (tăng/giảm)
-Chi phí lãi vay	261.441.020.951	204.732.923.867	-27.70
-Chi phí lãi trả chậm	-	-	-
-Chi phí sử dụng vốn vay	1.918.225.851	99.639.169	-1.825
-Lỗi tỷ giá hối đoái	169.510.223.972	11.499.655.411	-1.374
Cộng chi phí tài chính	432.869.470.774	216.332.218.447	-100.09

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Hiện nay về cơ cấu tổ chức đã đi vào ổn định, các chính sách quản lý chủ yếu hướng vào giảm chi phí sản xuất
- Kế hoạch phát triển trong tương lai:
 - Dự án Tôn 600 ngàn mt năm từ nay đến năm 2020
 - Dự án lò cao 580 m3 (Tổng vốn đầu tư 80 triệu USD)
 - Dự án cán 500 ngàn tấn năm (Tổng vốn đầu tư 50 triệu USD)
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- ❖ Năm 2016, tiêu thụ thép cả nước tiếp tục tăng trưởng mạnh, POM đã khai thác gần toàn dụng công suất thiết kế, giữ vững thị phần 14% trên phạm vi cả nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu đạt 15,30 % doanh thu.
- ❖ Nợ dài hạn còn rất thấp và đầu năm 2017 nợ dài hạn chỉ còn 314 tỷ và sẽ thanh toán hết nợ dài hạn vào năm 2019
- ❖ Chi phí tài chính, chi phí khấu hao và chi phí sản xuất ngày càng giảm

Từ các yếu tố nêu trên giúp cho lợi nhuận năm 2016 đạt 301,6 tỷ hoàn thành vượt kế hoạch đề ra là 250 tỷ, chám dứt lỗ lũy kế 3 năm qua là 212 tỷ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Chấp hành đúng các quyết nghị của Hội đồng quản trị.
- Chăm lo tốt đời sống của công nhân viên
- Công tác quan hệ khách hàng, mở rộng nguồn hàng đặc biệt là chủ trương của Tổng Thực hiện tốt chính sách tiết kiệm chống lãng phí trong sản xuất của công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016	Tỷ lệ
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	12,000	9,296	129.09%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	400	301.6	132.63%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	3,33%	3,20%	
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	14,0%	11.30%	
Cổ tức (10% tiền mặt và 10% cổ phiếu)	20%	0	

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị**

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

N:37
C
C
7
PO
N-T

STT	Họ & tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập, thành viên không điều hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT của công ty nắm giữ tại các DN khác	NHIỆM KỲ
1	Đỗ Xuân Chiêu	1,104,000cp # 0.589%			5 năm
2	Đỗ Tiến Sĩ	5,115,384cp # 2.729%			5 năm
3	Đỗ Thị Kim Cúc	5,430,277cp # 2.897%	Thành viên không điều hành		3 năm
4	Đỗ Văn Khánh	552,000cp # 0.294%			5 năm
5	Đỗ Duy Thái	115,491,548cp #61.61%	(Đại diện cổ đông sáng lập)	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH Thép Việt	4 năm

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2016:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đỗ Xuân Chiêu	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Đỗ Duy Thái	PCT. HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Bà Đỗ Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên HĐQT	4/4	100%	

Hàng quý họp soát xét tình hình hoạt động kinh doanh, chỉ đạo, tháo gỡ về chính sách giúp Ban Tổng Giám Đốc đối phó tình hình khó khăn hiện nay

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ & tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Trần Tô Tử	2,875cp # 0.002%
2	Nguyễn Bạch Trường Chinh	0
3	Đỗ Hoàn Mỹ	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- HĐQT và Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý đã

032
ÔNG
PHẠ
HÉP
MIN.
BÌNH

thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông,

- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,
- Các Biên bản họp, nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp hoặc các thành viên được ủy quyền dự họp.
- Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty,
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD.
- Các quyết định của Ban TGD đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban TGD đều được trình HĐQT và được HĐQT phê duyệt bằng nghị quyết,
- Các Hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2016 đều được ký kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của Công ty và các cổ đông.
- Báo cáo tài chính năm 2016 tại công ty mẹ Pomina và tại công ty con Pomina 2 đã được kiểm toán và phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2016, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và không có bất kỳ sự ngoại trừ nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
 - Cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát: không có
 - Cho Tổng Giám đốc: 1.656.948.106 đ/năm
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26-7-2012 của Bộ Tài Chính.

VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH : (đã được kiểm toán)

136
TY
N
4
JUONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	2015	2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.863.802.770.245	9.354.207.253.682
Các khoản giảm trừ doanh thu	(56.224.125.328)	(57.281.610.254)
Doanh thu thuần	9.807.578.644.917	9.296.925.643.428
Giá vốn hàng bán	(9.238.990.160.766)	(8.659.686.501.198)
Lợi nhuận gộp	568.588.484.151	637.239.142.230
Doanh thu hoạt động tài chính	23.070.881.459	11.926.718.242
Chi phí tài chính	(432.869.470.774)	(216.332.218.447)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>(261.441.020.951)</i>	<i>(204.732.923.867)</i>
Chi phí bán hàng	(33.358.113.662)	(34.992.423.184)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(86.070.874.827)	(77.285.369.966)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.360.906.347	320.555.848.875
Thu nhập khác	6.378.622.542	2.551.735.360
Chi phí khác	(16.743.587.513)	(13.106.607.716)
Lợi nhuận khác	(10.364.964.971)	(10.554.872.356)
Lãi/(lỗ) trong công ty Liên doanh, Liên kết		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.995.941.376	310.000.976.519
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.176.417.094)	(8.396.088.477)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.819.524.282	301.604.888.042
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	332.027.036	511.215.102
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	27.487.497.246	301.093.672.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	148	1.616

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN		
TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.441.539.818.355	4.234.739.302.842
Tiền và các khoản tương đương tiền	239.684.165.811	21.776.944.492
Tiền	239.684.165.811	21.776.944.492
Các khoản tương đương tiền		
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Các khoản phải thu	2.434.554.528.954	1.935.948.153.205
Phải thu khách hàng	2.319.915.695.429	1.874.119.808.322
Trả trước cho người bán	67.031.490.327	36.383.518.839
Phải thu nội bộ ngắn hạn		
Các khoản phải thu khác	47.607.343.198	25.444.826.044
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		
Hàng tồn kho	1.634.959.274.344	2.175.628.717.094

Hàng tồn kho	1.634.959.274.344	2.175.628.717.094
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Tài sản ngắn hạn khác	132.341.849.246	101.385.488.051
Chi phí trả trước ngắn hạn	18.063.918.558	10.040.285.515
Thuế GTGT được khấu trừ	107.498.992.221	77.594.759.530
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6.778.938.467	13.750.443.006
Tài sản ngắn hạn khác		
TÀI SẢN DÀI HẠN	2.608.426.151.410	2.888.593.832.208
Các khoản phải thu dài hạn	10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	10.000.000	10.000.000
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		
Tài sản cố định	2.455.110.046.993	2.706.176.491.578
Tài sản cố định hữu hình	2.449.483.964.893	2.698.960.630.071
Nguyên giá	4.964.488.397.247	4.952.904.973.988
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.515.004.432.354)	(2.253.944.343.917)
Tài sản cố định thuê tài chính		
Tài sản cố định vô hình	5.626.082.100	7.215.861.507
Nguyên giá	14.406.504.484	14.406.504.484
Giá trị hao mòn lũy kế	(8.780.422.384)	(7.190.642.977)
Tài sản dài hạn	8.366.796.551	83.982.424.837
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.366.796.551	83.982.424.837
Bất động sản đầu tư		
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11.402.985.380	11.402.985.380
Đầu tư vào công ty con		
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Đầu tư dài hạn khác	11.402.985.380	11.402.985.380
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
Tài sản dài hạn khác	133.536.322.486	87.021.930.413
Chi phí trả trước dài hạn	133.536.322.486	87.021.930.413
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản dài hạn khác		
Lợi thế thương mại		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	7.049.965.969.765	7.123.333.135.050
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ	4.375.728.884.243	4.750.700.937.570
Nợ ngắn hạn	4.061.173.119.283	4.184.301.817.074
Vay và nợ ngắn hạn	3.579.099.110.318	3.805.592.102.980
Phải trả cho người bán	319.789.572.340	230.679.996.608
Người mua trả tiền trước	24.761.505.558	1.558.471.055

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	7.953.175.487	14.591.028.769
Phải trả công nhân viên	9.095.912.853	4.455.048.001
Chi phí phải trả	95.280.999.394	94.846.697.614
Phải trả nội bộ		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.318.323.529	26.992.777.743
Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.874.519.804	5.585.694.304
Nợ dài hạn	314.555.764.960	566.399.120.496
Phải trả dài hạn người bán		
Phải trả dài hạn nội bộ		
Phải trả dài hạn khác		
Vay và nợ dài hạn	314.555.764.960	566.399.120.496
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Dự phòng phải trả dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện		
Quỹ phát triển khoa học công nghệ		
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.674.237.085.522	2.372.632.197.480
Vốn chủ sở hữu	2.674.237.085.522	2.372.632.197.480
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.874.499.510.000	1.874.499.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	(31.347.567.000)	(31.347.567.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Quỹ đầu tư phát triển	701.430.066.244	701.430.066.244
Quỹ dự phòng tài chính		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Lợi nhuận chưa phân phối	88.830.958.792	(212.262.714.148)
Nguồn kinh phí và quỹ khác		
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	5.824.117.486	5.312.902.384
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	7.049.965.969.765	7.123.333.135.050

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	2015	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	28.995.941.376	310.000.976.519
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Khấu hao tài sản cố định	323.041.991.259	262.956.171.148
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	(3.452.069.168)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	5.655.513.188	362.007.179
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(663.207.289)	(422.866.866)

Chi phí lãi vay	261.441.020.951	204.732.923.867
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	615.019.190.317	777.629.211.847
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	352.680.648.981	(520.437.132.669)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	1.470.935.864.308	540.669.442.750
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	(373.824.267.632)	95.546.821.816
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	40.802.384.201	17.369.290.589
Tiền lãi vay đã trả	(190.323.126.235)	(204.592.655.260)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(118.522.395)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(792.836.693)	(1.711.174.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.914.497.857.247	704.355.282.180
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(23.556.189.507)	(8.181.413.982)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	145.454.546	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.385.171.297	422.866.866
Tiền lãi đã nhận		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(22.025.563.664)	(7.758.547.116)
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		
Tiền chi trả nợ gốc vay	11.237.828.808.084	8.538.583.521.448
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(13.216.154.509.747)	(9.016.776.567.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.978.325.701.663)	(478.193.046.040)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	(85.853.408.080)	218.403.689.024
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	107.032.309.764	21.776.944.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	598.042.808	(496.467.705)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	21.776.944.492	239.684.165.811

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA
CHỦ TỊCH



Đỗ Xuân Chiêu

Ý kiến của kiểm toán :



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61121142/18592373-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thép Pomina

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



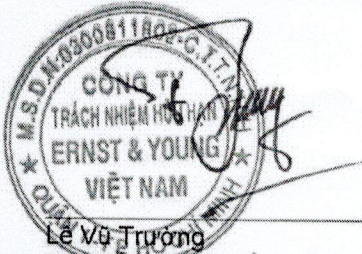


Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

C.T.G.P